TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 53/2023/DS-GĐT
Ngày 29/11/2023
V/v tranh chấp phân chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Minh;

Bà Lương Ngọc Trâm;

Bà Đào Thị Minh Thủy;

Ông Trần Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự *"Tranh chấp phân chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Phan L, sinh năm 1943;

2. Bà Phan Thị V, sinh năm 1957;

Cùng cư trú tại: Đội 14, thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Phan Thị L1, sinh năm 1946; cư trú tại: Đội 12, thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn*: Bà Đặng Thị P, sinh năm 1944; cư trú tại: Đội 12, thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Quảng N;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H1 - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường (Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2017).

2. Anh Phan V1, sinh năm 1964;

3. Chị Phan Thị C, sinh năm 1969;

4. Chị Phan Thị T, sinh năm 1971;

5. Chị Phan Thị Kim T1, sinh năm 1980;

Cùng cư trú tại: Đội 12, thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị T: Anh Phan V1, sinh năm 1964; cư trú tại: Đội 12, thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/3/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V trình bày:

Cha mẹ của các ông bà là cụ Phan V2 (chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1957) có 04 người con là ông Phan H2 (chết năm 1992), ông Phan L, bà Phan Thị L1 và bà Phan Thị V. Ông Phan H2 có vợ là bà Đặng Thị P và các con là anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Kim T1. Cụ Phan V2 và cụ Nguyễn Thị C1 tạo lập được 03 mảnh vườn: Mảnh thứ nhất là thửa đất số 384, tờ bản đồ số 03, diện tích 440m^2, cụ Phan V2 giao cho ông Phan L quản lý sử dụng; mảnh thứ hai là thửa đất số 245, tờ bản đồ số 05, diện tích 980m^2 giao cho ông Phan H2 và bà Đặng Thị P quản lý sử dụng; mảnh thứ ba là thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.352m^2 do cụ Phan V2 quản lý sử dụng; cả 03 mảnh đất trên đều tọa lạc tại thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N.

Nguồn gốc thửa đất số 477 nêu trên gồm diện tích 352m^2 đất do cụ Phan V2, cụ Nguyễn Thị C1 mua của cụ Phan T2 năm 1952 và diện tích khoảng 02 sào (1.000m^2) do cụ Phan V2 mua của cụ Phan L2 theo Giấy bán vườn tranh Lai Thục ngày 04/12/1970 (giới cận: phía Tây giáp vườn cụ Phan V2 (mua 1952), phía Đông giáp vườn cụ Phan C2 (nay là ông Nguyễn Bá N), phía Nam giáp vườn cụ Phan C2 (nay là bà Phan Thị C3), phía Bắc giáp đường Hương lộ. Cụ V2 đã nhập

chung diện tích đất mua năm 1952 và diện tích đất mua năm 1970 với tổng diện tích 1.352m^2, năm 1975, cụ Phan V2 làm nhà ở trên thửa đất. Theo sổ mục kê ruộng đất xã T lập năm 1985 theo Chỉ thị 299/TTg, cụ Phan V2 đứng tên kê khai thửa đất số 784, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.521m^2, nay là thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.352m^2 tại thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N. Cụ V2, cụ C1 chết không để lại di chúc.

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, bà Đặng Thị P đã tự ý kê khai thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.352m^2 và được Ủy ban nhân dân huyện Sơn T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/5/1997 mà không có sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ Phan V2 là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, ông Phan L, bà Phan Thị L1 và bà Phan Thị V yêu cầu: Chia di sản thừa kế của cụ Phan V2 để lại là thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.352m^2 cho các đồng thừa kế; thống nhất giao cho bà P và các con của bà P được sử dụng ngôi nhà cấp 4 trên đất mà không yêu cầu chia. Phần đất chia cho các đồng thừa kế có tường rào do bà P xây dựng thì người nhận đất thanh toán lại giá trị cho bà P. Đối với cây tre, chuối trong vườn là của cụ V2 trồng, các ông bà không yêu cầu chia. Đồng thời, các ông bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đặng Thị P đối với thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.352m^2 tại xã Tịnh A, thành phố Quảng N.

Bị đơn là bà Đặng Thị P trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Cha mẹ chồng của bà là cụ Phan V2 và cụ Nguyễn Thị C1 có thửa đất số 384, tờ bản đồ số 03, diện tích 440m^2 tại thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N hiện nay ông Phan L đang quản lý, sử dụng. Năm 1962, bà lập gia đình với ông Phan H2, vợ chồng bà chung sống với gia đình chồng trên thửa đất này. Do chỗ ở chật hẹp, anh em đông, vợ chồng bà sinh thêm con nên vào năm 1968 vợ chồng bà được chính quyền chế độ cũ cấp cho một mảnh đất (thuộc đất làng) cách nhà cụ Phan V2 khoảng 01 km, nay là thửa đất số 245, tờ bản đồ số 05, diện tích 980m^2 tọa lạc tại thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N. Từ khi được chế độ cũ cho đất, vợ chồng bà làm nhà ở và cư trú ổn định. Năm 1992, ông Phan H2 chết, bà cùng các con quản lý, sử dụng đất và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi vợ chồng bà ra ở riêng thì cha chồng và các em chồng của bà vẫn sinh sống trên thửa đất số 384, tờ bản đồ số 03 tại thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N.

Năm 1952, cụ Phan V2 và cụ Nguyễn Thị C1 mua một nửa thửa đất số 404 của vợ chồng ông Phan L2 và vợ chồng ông Phan T3. Đến năm 1970, cụ Phan V2 mua tiếp phần đất còn lại của thửa đất số 404 khoảng 02 sào (1.000m^2). Toàn bộ

02 phần đất mua này hiện nay là thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03 tại xã Tịnh A, thành phố Quảng N. Năm 1978, cụ Phan V2 sang thửa đất số 477 làm căn nhà tranh, vách đất diện tích khoảng 20m^2 để ở và sinh sống cho đến khi cụ qua đời năm 1987. Từ khi cụ V2 làm nhà ở riêng, vợ chồng bà phải thay phiên nhau đến chăm sóc, đồng thời quản lý, trông nom thửa đất. Theo tập quán của địa phương thì con trưởng nam là người thờ cúng cha mẹ, trước khi chết, cụ Phan V2 đã cho vợ chồng bà nhà và thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03 nêu trên (cho bằng miệng) để vợ chồng bà thờ cúng. Năm 1992, ông Phan H2 chết, bà và các con của bà tiếp tục quản lý, sử dụng đất. Năm 1997, bà kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 477, tờ bản đồ sổ 03 nêu trên.

Năm 1996, ngôi nhà trên thửa đất bị sập nên mẹ con bà đã xây dựng lại ngôi nhà như hiện trạng và sử dụng để thờ cúng cụ Phan V2, cụ Nguyễn Thị C1. Nay ông Phan L, bà Phan Thị L1 và bà Phan Thị V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.352m^2 đất nêu trên thì bà không đồng ý vì cụ Phan V2 đã cho vợ chồng bà thửa đất này (cho bằng miệng). Trường hợp, Tòa án chia di sản thừa kế thì bà yêu cầu căn nhà trên thửa đất của mẹ con bà xây dựng thuộc quyền sở hữu của bà, phần diện tích 676m^2 đất mà cụ V2 và cụ C1 mua năm 1952 là tài sản riêng của cụ C1 nằm trong khối tài sản nêu trên đã được vợ chồng bà quản lý, sử dụng trên 30 năm nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng bà. Bà yêu cầu khấu trừ công sức tôn tạo, giữ gìn, bảo quản, nâng cấp thửa đất cho gia đình bà; trả lại giá trị tường rào là 134.030.000 đồng cho bà; đồng thời, bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ V2, cụ C1 đối với thửa đất số 384, tờ bản đồ số 03, diện tích 440m^2 tại thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/9/2018, bà P nộp Bản trình bày ý kiến cho rằng thực tế thửa đất số 477 đã được Nhà nước quản lý, cân đối theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình bà nên nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 477 nêu trên là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do ông Trần Thanh H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trong quá trình lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị P đối với thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03 tại thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N thì Ủy ban nhân dân không nhận được đơn thư khiếu nại, tranh chấp hay yêu cầu dừng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Ủy ban nhân dân huyện Sơn T đã tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị P đối với thửa đất số 477, tờ bản đồ số

03 tại thôn Tân M, xã Tịnh A, thành phố Quảng N là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 trình bày: Các anh, chị thống nhất với lời trình bày của bà Đặng Thị P (mẹ của các anh, chị).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 18 và 25/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Phan V2 tại thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N của ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V và chấp nhận yêu cầu hủy phần công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị P đối với thửa đất số 477, tờ bản đồ số 3, xã Tịnh A, thành phố Quảng N tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01891QSDĐ/174/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn T.

Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan V2 là toàn bộ thửa đất số 477 tờ bản đồ số 3, xã Tịnh A, thành phố Quảng N của ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V.

Tuyên xử:

1. Hủy phần công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị P đối với thửa đất số 477, tờ bản đồ số 3, xã Tịnh A, thành phố Quảng N tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01891QSDĐ/174/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn T.

2. Xác định những người thừa kế di sản của cụ Phan V2 gồm có: Ông Phan L; bà Phan Thị L1; bà Phan Thị V; bà Đặng Thị P, anh Phan V1, chị Phan Thi C4, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 (vợ và các con của ông Phan H2).

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Phan V2 tại thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N là 956,325m^2 đất ở.

4. Chấp nhận yêu cầu chia cho bà Đặng Thị P, anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 một kỷ phần thừa kế về công sức quản lý, giữ gìn thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N.

5. Không chấp nhận yêu cầu chia cho bà Đặng Thị P, ông Phan V1, bà Phan Thị C, bà Phan Thị T và bà Phan Thị Kim T1 thêm một kỷ phần thừa kế để dùng vào việc thờ cúng.

6. Không chấp nhận yêu cầu khấu trừ số tiền 134.030.000 đồng, xây dựng tường rào trên thửa đất 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N của bà Đặng Thị P.

7. Chia di sản của cụ Phan V2 để lại là 956,325m^2 đất ở tại thửa đất số 477,

tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N cho các đồng thừa kế thành 05 kỷ phần, cụ thể như sau:

7.1. Chia thừa kế cho ông Phan L 191,265m^2 đất, thuộc thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, ông L nhận bằng hiện vật là 150m^2 đất, đối với phần diện tích đất là 41,265m^2 ông L sẽ được nhận bằng tiền là 83.925.623 đồng. Giao cho ông L được quyền sử dụng, định đoạt đối với phần tường rào xây gạch dài 25,3m và tường rào xây gạch lưới B40 có trụ bê tông dài 6,2m. Ông L phải trả lại giá trị tường rào là 1.730.000 đồng cho bà Đặng Thị P. Phần đất ông L được chia có ký hiệu là A trong bản đồ phân chia di sản thừa kế.

7.2. Chia thừa kế cho bà Phan Thị L1 191,265m^2 đất, thuộc thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, bà L1 nhận bằng hiện vật là 150m^2 đất, đối với phần diện tích đất là 41,265m^2 bà L1 sẽ được nhận bằng tiền là 83.925.623 đồng. Giao cho bà L1 được quyền sử dụng, định đoạt đối với phần tường rào xây gạch lưới B40 có trụ bê tông dài 6,7m. Bà L1 phải trả lại giá trị tường rào là 502.500 đồng cho bà Đặng Thị P. Phần đất bà L1 được chia có ký hiệu là B trong bản đồ phân chia di sản thừa kế.

7.3 Chia thừa kế cho bà Phan Thị V 191,265m^2 đất, thuộc thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, bà V nhận bằng hiện vật là 150m^2 đất, đối với phần diện tích đất là 41,265m^2 bà V sẽ được nhận bằng tiền là 83.925.623 đồng. Giao cho bà V được quyền sử dụng, định đoạt đối với phần tường rào xây gạch lưới B40 có trụ bê tông dài 7,6m. Bà V phải trả lại giá trị tường rào là 570.000 đồng cho bà Đặng Thị P. Phần đất bà V được chia có ký hiệu là C trong bản đồ phân chia di sản thừa kế.

7.4 Chia thừa kế cho bà Đặng Thị P, anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 382,53m^2 đất và 123,795m^2 đất (chia cho ông L, bà V, bà L1) nhưng giao cho bà P, anh V1, chị C, chị T1, chị T nhận. Tổng cộng bà P, anh V1, chị C, chị T1, chị T nhận 506,325m^2 đất thuộc thửa đất số 477 tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N. Phần đất chia, giao cho bà P, anh V1, chị C, chị T và chị T1 là 506,325m^2 đất có ký hiệu là D trong bản đồ phân chia di sản thừa kế.

7.5 Bà Đặng Thị P, anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 phải thanh toán lại giá trị 41,265m^2 đất cho ông L là 83.925.623 đồng; cho bà L1 41,265m^2 đất là 83.925.623 đồng; cho bà V giá trị 41,265m^2 đất là 83.925.623 đồng.

7.6 Buộc bà Đặng Thị P, anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 phải chặt, dỡ dọn toàn bộ các cây tre, cây chuối trên phần diện tích đất chia thừa kế cho ông Phan L, bà Phan Thị V, bà Phan Thi L3. Không buộc ông L, bà V, bà L3 phải trả lại giá trị các cây tre, cây chuối trên phần đất

được chia, nhận di sản thừa kế cho bà Đặng Thị P, anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1.

Phần diện tích đất di sản được chia cho các đồng thừa kế có sơ đồ bản vẽ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án. Ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V, bà Đặng Thị P và các con bà P: Anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia, nhận theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2018, bị đơn là bà Đặng Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị Kim T1 có đơn kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 08/10/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phan Thị T có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 09/10/2018, nguyên đơn là ông Phan L, bà Phan Thị L1 và bà Phan Thị V có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 145/2020/DS-PT ngày 29/6/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và Đặng Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị C, anh Phan V1, chị Phan Thị Kim T1, chị Phan Thị T.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Phan L, Phan Thị L1, Phan Thị V, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Phan V2 tại thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N của ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V và chấp nhận yêu cầu hủy phần công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị P đối với thửa đất số 477, tờ bản đồ số 3, xã Tịnh A, thành phố Quảng N tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01891QSDĐ/174/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn T.

Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan V2 là toàn bộ thửa đất số 477 tờ bản đồ số 3, xã Tịnh A, thành phố Quảng N của ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V.

Tuyên xử:

1. Hủy phần công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị P đối với thửa đất số 477, tờ bản đồ số 3, xã Tịnh A, thành phố Quảng N tại Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 01891QSDĐ/174/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn T.

2. Xác định những người thừa kế di sản của cụ Phan V2 gồm có: ông Phan L; bà Phan Thị L1; bà Phan Thị V; bà Đặng Thị P, anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 (vợ và các con của ông Phan H2).

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Phan V2 tại thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N là 956,325m^2 đất ở.

4. Chấp nhận yêu cầu chia cho bà Đặng Thị P, anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 một kỷ phần thừa kế về công sức quản lý, giữ gìn thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N.

5. Không chấp nhận yêu cầu chia cho bà Đặng Thị P, anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 thêm một kỷ phần thừa kế để dùng vào việc thờ cúng.

6. Không chấp nhận yêu cầu khấu trừ số tiền 134.030.000 đồng xây dựng tường rào trên thửa đất 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N của bà Đặng Thị P.

7. Chia di sản của cụ Phan V2 để lại là 956,325m^2 đất ở tại thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N cho các đồng thừa kế thành 05 kỷ phần, cụ thể như sau:

7.1 Chia thừa kế cho ông Phan L 191,265m^2 đất, thuộc thửa đất số 477 tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, diện tích 191,265m^2 đất bao gồm (phần A = 150,0 + phần S3 = 41,265). Giao cho ông L được quyền sử dụng, định đoạt đối với phần tường rào xây gạch dài 25,3m và tường rào xây gạch lưới B40 có trụ bê tông dài 6,2m. Ông L phải trả lại giá trị tường rào là 1.730.000 đồng cho bà Đặng Thị P. Phần đất ông L được chia có ký hiệu là A và S3 trong bản đồ phân chia di sản thừa kế được lập ngày 16/6/2020.

7.2 Chia thừa kế cho bà Phan Thị L1 191,265m^2 đất, thuộc thửa đất số 477 tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, diện tích 191,265m^2 đất bao gồm (phần B = 150,0 + phần S2 = 41,265). Giao cho bà L1 được quyền sử dụng, định đoạt đối với phần tường rào xây gạch lưới B40 có trụ bê tông dài 6,7m. Bà L1 phải trả lại giá trị tường rào là 502.500 đồng cho bà Đặng Thị P. Phần đất bà L1 được chia có ký hiệu là B và S2 trong bản đồ phân chia di sản thừa kế ngày 16/6/2020.

7.3 Chia thừa kế cho bà Phan Thị V 191,265m^2 đất, thuộc thửa đất số 477 tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N, diện tích 191,265m^2 đất bao gồm (phần C = 150,0 + phần S1 = 41,265). Giao cho bà V được quyền sử dụng, định đoạt đối với phần tường rào xây gạch lưới B40 có trụ bê tông dài 7,6m. Bà V phải

trả lại giá trị tường rào là 570.000 đồng cho bà Đặng Thị P. Phần đất bà V được chia có ký hiệu là C và S1 trong bản đồ phân chia di sản thừa kế ngày 16/6/2020.

7.4 Chia thừa kế cho bà Đặng Thị P, anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 382,53m^2 đất, thuộc thửa đất số 477 tờ bản đồ số 03, xã Tịnh A, thành phố Quảng N. Phần đất chia, giao cho bà P, anh V1, chị C, chị T1, chị T nhận là 382,53m^2 có ký hiệu là D trong bản đồ phân chia di sản thừa kế lập ngày 16/6/2020.

Phần diện tích đất di sản được chia cho các đồng thừa kế có sơ đồ bản vẽ kèm theo do Trung tâm trắc địa và quan trắc môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q lập ngày 16/6/2020, là một bộ phận không tách rời Bản án phúc thẩm này. Ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V, bà Đặng Thị P và các con bà P: Anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T và chị Phan Thị Kim T1 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia, nhận theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 02/3/2022, bà Đặng Thị P đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 44/2023/KN-DS ngày 30/8/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 145/2020/DS-PT ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 18 và 25/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao không nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Phan V2 (chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1957) có 04 người con gồm: Ông Phan H2 (chết năm 1992), có vợ là bà Đặng Thị P và các con là anh Phan V1, chị Phan Thị C, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Kim T1; ông Phan L; bà Phan Thị L1 và bà Phan Thị V. Cụ V2 và cụ C1 tạo lập được 03 thửa đất: Thửa đất số 384, tờ bản đồ số 03, diện tích 440m^2 giao cho ông Phan L quản lý, sử dụng; thửa đất số 245, tờ bản đồ số 05, diện tích 980m^2 giao cho ông H2 và bà P quản lý, sử dụng; thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.352m^2 do cụ

V2 quản lý, sử dụng; cả 03 thửa đất trên đều tọa lạc tại xã Tịnh A, thành phố Quảng N. Cụ V2 và cụ C1 chết không để lại di chúc.

[2] Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2017, ông L, bà L1 và bà V yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ V2 để lại là thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.352m^2 đất nêu trên cho các đồng thừa kế; các ông bà không yêu cầu chia ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 477 nêu trên mà thống nhất giao cho bà P và các con của bà P sử dụng. Đồng thời, các ông bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà P đối với thửa đất số 477, diện tích 1.352m^2 nêu trên.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà P thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.352m^2 đất nêu trên là của cụ V2, cụ C1 nhận chuyển nhượng của cụ Phan T2 (vào năm 1952 với diện tích 352m^2) và cụ Phan L2 (vào năm 1970 với diện tích 1.000m^2). Tuy nhiên, ngày 18/9/2018 bà P có bản trình bày ý kiến nộp trực tiếp tại phiên tòa sơ thẩm cho rằng thửa đất số 477 nêu trên thực tế đã được Nhà nước tiến hành quản lý, cân đối theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Theo Công văn số 170/UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tịnh A thì: hiện nay hồ sơ thực hiện việc cân đối theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp của xã Tịnh A không còn lưu trữ. Để xác minh việc cân đối đất Ủy ban nhân dân xã Tịnh A có làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Ngọc A và ông Cao Hồng H3 là hai cán bộ địa chính và là người trực tiếp tham mưu đề án, phương án cân đối đất tại thời điểm thực hiện việc cân đối đất theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 và là người trực tiếp chia đất sản xuất cho hộ gia đình trên địa bàn xã Tịnh A. Tại buổi làm việc với Ủy ban nhân dân xã Tịnh A thì ông Nguyễn Ngọc A và ông Cao Hồng H3 cho biết theo đề án của xã Tịnh A thửa đất số 477, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.352m^2 đã được cân đối theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt; theo đó, tại thời điểm cân đối sau khi trừ phần diện tích còn lại là 750m^2 trong thửa đất số 477, tờ bản đồ số 3, phần diện tích còn lại là 652m^2 Ủy ban nhân dân xã đã cân đối đất cho hộ gia đình bà Đặng Thị P để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Ngọc A và ông Cao Hồng H3 và thu thập các chứng cứ để làm rõ trong quá trình quản lý đất đai thì Nhà nước có cân đối, điều chỉnh thửa đất số 477, tờ bản đồ số 3 theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho hộ gia đình bà P hay không là thiếu sót.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo kết quả đo đạc thửa đất số 477, tờ bản đồ số 3 dựa trên cơ sở chồng ghép file bản đồ số hóa địa chính của Trung tâm kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa chính thuộc Trung tâm phát triển quỹ đất Dung Q cho các đương sự và các chủ đất giáp ranh biết, nguyên đơn là chủ đất giáp ranh không phản đối kết quả, bị đơn không đồng ý với kết quả đo đạc, nhưng thiếu hợp tác với Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã ba lần thông báo yêu cầu bị đơn ký hợp đồng với đơn vị khác để Tòa án tiến hành đo đạc lại nhưng bị đơn không thực hiện (Thông báo số 349/TB-DS ngày 27/01/2018, thông báo số 365/TB-DS ngày 08/3/2018 và thông báo số 369/TB-DS ngày 14/3/2018). Do đó, khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần giải thích cho bị đơn về việc thực hiện quyền yêu cầu đo đạc, chỉ ranh đất để thực hiện quyền của mình; nếu bị đơn không thực hiện thì coi như bị đơn từ bỏ quyền yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 44/2023/KN-DS ngày 30/8/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 145/2020/DS-PT ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 18 và 25/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về vụ án *"Tranh chấp phân chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn là ông Phan L, bà Phan Thị V, bà Phan Thị L1 với bị đơn là bà Đặng Thị P và 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (kèm Hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán chủ tọa, Vụ GĐKTII TANDTC (03 bản), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nam